TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK GLONG** TỈNH ĐẮK NÔNG Bản án số: 46/2019/HS-ST Ngày 23- 10 - 2019	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Văn Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoài Phương và ông Phạm Xuân Đức

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Phạm Duy Cường – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Viết Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45A /2019/QĐXXST - HS, ngày 27 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Phùng Văn D, (tên gọi khác: Cu P) sinh năm 1991, tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi đăng ký HKTT: Ấp 3, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn 8, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn L *(sinh năm 1968)*, hiện sống tại: Ấp 2, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và bà Nguyễn Thị L *(sinh năm 1974)*, hiện sống tại: Thôn 8, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; bị cáo có vợ là: Bùi Thị Mỹ P *(sinh năm 1993) ,* hiện làm nghề cắt tóc tại: Thành phố P, tỉnh Gia Lai, tiền sự: 01.

Năm 2010, phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* bị Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tuyên phạt 09 tháng tù giam *(Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2010/HSST ngày 06/12/2010)*. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 27/4/2011, đã được xóa án tích.

Ngày 05/8/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ra quyết định số 78/2016/QĐ –TA áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm giáo dục lao động và dạy nghề tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bị cáo chấp hành xong ngày 20/11/2017, chưa được xóa tiền sự.

Ngày 03/7/2018 phạm tội *"Cố ý gây thương tích"*. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 31/2019/HSST ngày 17/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông tuyên phạt 09 tháng tù, chưa chấp hành án.

Người bị hại: Chị Lâm Thị Thùy N, địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Đức T, địa chỉ: thôn 4, xã H, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người làm chứng: Cháu Lâm Thị Bích P, địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, vắng mặt.

Nguyễn Tấn Đại; Nguyễn Văn H, cùng trú tại: Thôn 3A, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phùng Văn D quen biết với gia đình chị Lâm Thị Thùy N, Dũng nảy sinh ý định lừa mượn xe mô tô của chị N mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài.

Vào lúc 10 giờ 50 phút ngày 16/12/2018, D đi bộ đến nhà chị N để mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu SIRENA, màu sơn nâu, biển kiểm soát 60K5 – 0114. Lúc này, trong nhà có chị N cùng với 03 người con của chị N. D nói với chị N: *"Chị ơi cho em mượn chiếc xe mô tô đi công việc"*. Chị N không cho D mượn và trả lời thoái thác: *"Xe để một giờ chiều con chị đi nhà thờ" (tức là 13 giờ cùng ngày)*. Sau đó, chị N đi dự đám cưới tại gia đình hàng xóm. Lợi dụng chị N vừa đi vắng, D vào trong nhà nói dối với cháu Lâm Thị Bích P *(sinh ngày 06/7/2009, con gái chị N)* là mẹ đã đồng ý cho D mượn xe nên cháu P đồng ý để D dắt xe ra khỏi nhà chị N. Sau khi lấy được xe mô tô biển kiểm soát 60K5 – 0114, D điều khiển xe chạy đến địa bàn xã Q, huyện Đ tìm tiệm cầm đồ để cầm cố chiếc xe. Do D không có chứng minh nhân dân nên không thực hiện được việc cầm cố chiếc xe. Đến ngày 17/12/2018, D gặp anh Nguyễn Tấn Đ *(sinh năm 1990, trú tại thôn 3A, xã Q, huyện Đ)* hỏi mượn giấy chứng minh nhân dân nhưng anh Đ không có. Anh Đ dẫn D đến gặp H *(chưa rõ nhân thân lai lịch)* để nhờ H cầm cố chiếc xe máy thì được H đồng ý. D và H đến tiệm cầm đồ V tại thôn 3A, xã Q do anh Nguyễn Văn H *(sinh năm 1992)* làm chủ, cầm cố chiếc xe với số tiền 3.500.000 đồng. D cho H 200.000 đồng, cho anh Đ mượn 500.000 đồng *(sau đó anh Đ đã trả lại số tiền này cho D)*. Sáng ngày 18/12/2018, D lại nhờ H đi đến tiệm cầm đồ chuộc lại chiếc xe và bán cho anh Lê Đức T *(sinh năm 1987)* trú tại thôn 4, xã H, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk với giá 4.500.000 đồng. Số tiền bán xe nhận được, D tiêu xài hết rồi bỏ trốn khỏi địa phương.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 25/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đắk Glong kết luận: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 60K5 – 0114 trị giá 5.565.014 đồng *(năm triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm mười bốn đồng)*.

**** Về vật chứng của vụ án:*** Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Glong đã thu giữ: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SIRENA, màu sơn nâu, biển kiểm soát 60K5 – 0114; ngày 21/6/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Glong ra Quyết định xử lý vật chứng số 21, trả lại chiếc xe mô tô cho chủ sở hữu hợp pháp chị Lâm Thị Thùy N.

**** Về trách nhiệm dân sự:*** Chị Lâm Thị Thùy N không yêu cầu bồi thường; anh Lê Đức T yêu cầu Phùng Văn D bồi thường thiệt hại số tiền 4.500.000 đồng. D đã tác động gia đình bồi thường cho anh T số tiền 1.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 44/CT- VKS ngày 15/8/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông truy tố bị cáo Phùng Văn D về tội *" Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong truy tố đối với bị cáo là đúng, không oan.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 tổng hợp hình phạt tại tại bản án hình sự sơ thẩm số 31/2019/HSST ngày 17/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

**** Về vật chứng của vụ án:*** Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 chấp nhận cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Glong đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 21, ngày 21/6/2019 trả lại chiếc xe mô tô cho chủ sở hữu hợp pháp chị Lâm Thị Thùy N.

**** Về trách nhiệm dân sự:*** Chị Lâm Thị Thùy N không yêu cầu bồi thường; Áp dụng Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường bồi thường thiệt hại số tiền 3.500.000 đồng cho anh Lê Đức T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Glong, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Các chứng cứ buộc tội và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đối với việc giải quyết vụ án là có căn cứ pháp lý qua đó xác định:

Vào khoảng 11 giờ ngày 16/12/2018 tại thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, Phùng Văn D hỏi mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 60K5 – 0114 của chị Lâm Thị Thùy N nói dối để đi công việc nhưng mục đích mượn xe của D để mang đi cầm cố, bán lấy tiền tiêu xài nhưng chị N không đồng ý cho mượn xe rồi chị N đi dự đám cưới ở gia đình hàng xóm. Lợi dụng chị N vừa đi vắng, D vào trong nhà nói dối với cháu Lâm Thị Bích P *(sinh ngày 06/7/2009, con gái chị N)* là mẹ đã đồng ý cho D mượn xe nên cháu P đồng ý để D dắt xe ra khỏi nhà chị N. Sau đó, D đã bán chiếc xe cho anh Lê Đức T được số tiền 4.500.000 đồng. Chiếc xe được Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Đắk Glong xác định trị giá 5.565.014 đồng.

Hành vi nêu trên của Phùng Văn D đã phạm vào tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định như sau:

"Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) ...

...

d ..."

[3]. Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được hành vi của mình trái pháp luật nhưng nhưng vẫn tiếp tục có hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của chị Lâm Thị Thùy N, do đó bị cáo cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo răn đe, cải tạo bị cáo cũng như phòng ngừa chung trong toàn xã hội;

[4]. Xét thấy bị cáo là người có nhân thân xấu, có 01 tiền sự và chưa chấp hành bản án 09 tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 31/2019/HSST, ngày 17/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong, lẽ ra bị cáo phải lấy các lần phạm tội đó làm bài học cho bản thân, nhưng bị cáo vẫn có tiếp tục có hành vi phạm tội. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. HĐXX xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo D là phù hợp. Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt đối với bản án số 31/2019/HSST ngày 17/7/2019.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc truy tố bị cáo và mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo là có cơ sở, HĐXX sẽ xem xét.

Đối với Nguyễn Tấn Đ và người tên H được Phùng Văn D nhờ đi cầm cố và bán chiếc xe mô tô biển kiểm soát 60K5 – 0114 nhưng không biết đây là tài sản do D phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý nên không đề cập.

Đối với anh Nguyễn Văn H nhận cầm cố và anh Lê Đức T mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 60K5 – 0114 không biết đây là tài sản do D phạm tội mà có nên cũng không có căn cứ để xử lý, không đề cập là phù hợp.

[5]. Về xử lý vật chứng: Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk Glong ra Quyết định xử lý vật chứng số 21 trả lại chiếc xe mô tô cho chủ sở hữu hợp pháp chị Lâm Thị Thùy N nên không xem xét.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Chị Lâm Thị Thùy N không yêu cầu bồi thường nên không đề cập. Bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho anh Lê Đức T số tiền số tiền 4.500.000 đồng. D đã tác động gia đình bồi thường cho anh T số tiền 1.000.000 đồng. Bị cáo tiếp tục phải bồi thường cho anh Lê Đức T 3.500.000đ.

[7]. Về án phí: Bị bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8]. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phùng Văn D *(tức Cu P*) phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Bộ luật hình sự năm2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phùng Văn D 09 *(chín)* tháng tù, tổng hợp hình phạt 09 tháng tù Tại bản án hình sự sơ thẩm số 31/2019/HSST ngày 17/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông. Buộc bị cáo phải chấp hành tổng cộng 01*(một)* năm 06 *(sáu)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/4/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho anh Lê Đức T số tiền 3.500.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không trả khoản tiền trên thì hàng tháng phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Phùng Văn D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng

mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết .

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Công an huyện Đắk Glong;
- Bộ phận hồ sơ CA huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đắk Glong;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu .

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Văn Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC THÀNH VIÊN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC THÀNH VIÊN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC THÀNH VIÊN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**